



Thư Tòa Soạn

Với thơ, lời và chữ có thể mất đi, nhưng ý nghĩa còn lại. Thơ Tân hình thức Việt, với cách diễn đạt ý tưởng liên lạc là phương pháp chuyển tải tư tưởng hiệu quả, hơn hẳn những thể loại thơ khác. Vấn đề là những nhà thơ có tư tưởng để chuyển tải hay không. Văn học, bước vào thế kỷ 21, chắc chắn sẽ khác với thế kỷ 20. Với thơ, sau cuộc khủng hoảng về thể thơ vào thập niên cuối thế kỷ 20 ở phương Tây, sẽ là hành trình tư tưởng của thế kỷ 21, vì toàn cầu hóa, những nền văn hóa khác nhau có nhu cầu cất tiếng nói trong một thế giới đa văn hóa. Nhưng thơ Việt đang ở đâu trong hành trình đi tới này? Thơ văn điệu là một thể loại thơ truyền thống, có giá trị truyền thống, không phải bàn nữa. Thơ Tân hình thức Việt đã có lý thuyết và tiến trình hình thành, cũng không phải bàn nữa. Chỉ còn lại thơ tự do Việt? Kể từ thập niên 1960, thơ tự do, vì không kinh qua bất cứ một tiến trình thơ nào, nên dễ rơi vào ảnh hưởng mơ hồ của những chủ thuyết văn hóa: thập niên 1960, với chủ nghĩa hiện sinh, siêu thực, thập niên 1980 với chủ nghĩa hậu hiện đại. Thơ trở thành phương tiện phát ngôn của triết lý, và không còn khả năng chuyển đổi hay tiếp nhận sự chuyển đổi. Và khi những chủ thuyết đó lụi tàn, thì thơ trở thành nạn nhân của chính nó, dậm chân tại chỗ, và không còn biết nơi nào để đến. Nhìn lại thực tế chính trị hiện nay, những cuộc chém giết man rợ của những chiến binh Hồi giáo cực đoan, và mới đây cuộc xâm lược thô bạo của Trung quốc đối với Việt nam, chứng tỏ một nửa nhân loại đang rơi vào vùng tối của nền văn minh. Văn học và thơ phải là những bộ môn độc lập, chuyển tải tư tưởng, đẩy lùi bóng đêm để hướng tới tinh thần nhân bản, và những giá trị nghệ

thuật, chứ không phải chỉ lặp lại những tuyên ngôn xưa cũ, cách nay cả thế kỷ, thời của những đa đa, siêu thực. Trong tình thế đó, thơ Việt đang đánh mất đi cơ hội để thể hiện sức mạnh của thơ, và đành phải chờ đợi những thế hệ mới hơn, khi những tâm thức cũ đi vào quá khứ, đóng lại cánh cửa thế kỷ 20.

Thiên Đăng

BÓNG

Cái bóng nọ cái bóng
của người đàn ông lại
gần cái bóng kia cái
bóng của người đàn bà

hai cái bóng kia cái
bóng của người đàn bà
và bóng của người đàn
ông hai cái bóng ở

trên tường gần nhau thật
gần như hai người gần
nhau thật gần ở trên
giường bóng của chiếc giường

bất động ở trên tường
như hai cái bóng bóng
người đàn bà bên bóng
người đàn ông bất động

ở trên giường hai cái
bóng bất động người đàn
ông và người đàn bà
gần thật gần bất động.

Chu Thủy Nguyên

MỘT ĐOẠN VỀ CON SÓI CÁI

Nó gánh đôi nước trĩu nặng phun
Bắn lè tè bốn bên đáy thùng
Rỉ sét da nó khen khét nắng
Nó vận hai ống quần khỏi đầu

Gối lộ cặp giò trắng phau rươn
Rướn lông đen mờ hôi nó luôn
Rịn thành những hạt tròn nhỏ lấm
Tắm trên chiếc môi phơn phớt râu

Tơ lấm tẩm trên hai mi mắt
Cặp vú nó nở nang đong đưa
Theo nhịp bước cứ thoăn thoắt dịu
Quạt đánh quần cái đòn gánh trên

Vai vậ mà gương mặt nó luôn
Sáng đẹp gánh nước mươn nhưng da
Nó không đen gánh ngày này qua
Ngày nọ gánh từ con lộ này

Qua con hẻm kia thiệt tình nó
Có nhan sắc thiệt tình vóc dáng
Nó nhìn riết rồi lòng mình cũng
Cạ cựa râm ran bắt ra ngòi

Quán cà phê hoài bắt muốn nhìn
Hoài đôi bắp chân trắng muốt sần
Cứng bắt muốn ngắm nghĩa hoài cặp
Vú căng đong đưa kéo kẹt vậ

Mà hồng hiểu sao lũ trẻ khu
Trên xóm dưới mắc gì cứ gọi
Nó là con sói cái con người
Ta đẹp nước đẹp cái như vậ

Sói chỗ nào thiệt tội nghiệp con
Nhỏ gánh nước mươn nuôi bà mẹ
Mù gần chục năm rồi còn gì
Chỉ nghe nói đêm đêm com nước

Xong nó quất đồ bộ mỏng dính
Vô nhìn con nhỏ ngộ hết biết
Nó rà theo mấy chiếc xe tải
Đậu ven lộ nghe nói mấy bác

Tài kéo nó lên thùng xe thả
Bạt xuống làm tình tới sáng đêm
Nay tài này mai tài kia có
Lẽ cái giống thèm trai bộn vậ

Nên nó mới có hõn danh sói
Cái chãng? ...

Xuân Thủy

BUNG CỎI

Bung bung cỏi những mối
tơ vò võ biết bao
năm tháng trời xoắn lại
vì đâu đó không còn
trong lành ...

Khi đó có những người
lặng thầm cỏi từng nút
từng nút nhỏ trong mối
tơ rồi tình rồi nùi
có những ...

Người đứng ngoài nhìn sự
sống nổi trôi con nước
điều linh phận người trôi
nổi cảnh dở khóc dở
người đứng ...

Sau sâu trong bóng tối
mờ ngọn đèn leo lét
đoàn tàu thời đại đen
trùi trùi xình xịch sâu
sau người ...

Bung cỏi con trăng đầu
súng trắng treo đầu con
gió làn mây làn mây
bay ...

08/5/2014

Biển Bắc

T / RỪNG NGƯỜI

Cô còn nhớ lần đầu
khi bước xuống đường đời
đã hỏi cô như vậy trong
buổi sáng nay khi cô

Bước xuống đường trời là
hơi sương tình cảnh khi
đó cũng y hệt bây
giờ một rừng người từng

Người như những làn cây
ẩn hiện lơ mờ như
số phận của từng người
giữa rừng người mà dấu

Vết lần đầu là những
viên sỏi không nuôi sống
được một thời còn lần
sau là những mẩu vụn

Bánh khiến lạc lối cả
một đời rồi cô còn
nhớ lần đầu khi bước
xuống đường đời cô đã

Hỏi số phận mong mỗi
những điều gì ở nơi
cô mà số phận chỉ
vòng vo hỏi ngược lại

Rằng cô mong mỗi những
điều gì nơi số phận
mình khi bước xuống đường
đời lại hỏi cô như

Vậy trong buổi sáng nay
khi cô bước xuống đường
đời bước vào rừng người
bước đi với từng người

(cuối 4, không 14)

Hồ Đăng Thanh Ngọc

NGHE NHẠC PAUL MAURIAT

ria mép ông cũng rung lên đánh
nhịp theo đôi tay giữ nhịp tài
hoa và những âm giai từ ánh
mắt của ông thoát ra bay lên

tầng trời bay vào cõi mơ tôi
lay động đám mây cao những sợi
dương cầm gỗ lên vàng trán những
đỉnh núi vẫy gọi những triền đồi

trôi đi những lâu đài cổ kính
ngồi đọc lại trang tiểu thuyết của
Victo Hugo những rừng thông
đong đưa những nỗi buồn dịu nhẹ

những mặt hồ phơi niềm mong nhớ
ra hong trước gió và nắng những
còn cát ngủ say trong mắt con
chồn tôi chui vào đám rong nào

đó nghe tiếng vỗ tay và những
dòng sông bật khóc nước mắt xanh

Nguyễn Thói Đời

NHIỀU

Nhiều khi muốn nói nhiều nhưng
không còn nhiều lời để nói trong khi
còn quá nhiều suy nghĩ mà
chỉ biết lặng im trong căn phòng quá
nhiều bóng tối ngoài phố phường
quá nhiều ánh đèn đêm nay hội hè
ở một đất nước quá nhiều
hội hè để khóa lấp đi quá nhiều
nước mắt tôi hay một mình
vì đã đi qua quá nhiều niềm vui
phù phiếm giả tạo quá nhiều
điều muốn nói mà không có nhiều lời
để nói tôi đã ngồi im
quá lâu trong căn phòng nhiều bóng tối

30/10/2013

Khế Iêm

LỪNG LỜ

Vàng nàng không phải là
giấc mơ viễn vông nàng
là người tù chung thân
trong thế giới giấc mơ

và tình huống bây giờ
giấc mơ không còn dáo
dác tìm nàng mà bình
thản đến độ dừng dung

đứng ngoài lề đường làm
như chẳng có chuyện gì
xảy ra chắc hẳn vì
giấc mơ biết rằng nàng

không thể nào thoát khỏi
và sẽ trở về sẽ
trở về khi mà đâu
đâu cũng có tai mắt

của giấc mơ và chẳng
giấc mơ đã từng ở
trong nàng và biết rất
rõ mọi chi tiết về

đời nàng nàng chạy đâu
chạy đâu ngoài trừ ẩn
náu trong lãnh địa của
trống rỗng mà trống rỗng

thì chưa bao giờ chứa
chấp ai không phải là
trống rỗng và nàng không
thê và dĩ nhiên cũng

không muốn trở thành
trống rỗng vì như thế
nàng không còn là nàng
nàng là trống rỗng nàng

chỉ có thể là nàng
nếu nàng sống trong thế
giới của giấc mơ và
mặc dù nàng vẫn biệt

vô âm tín nhưng ai
cũng có thể đọc thấy
hình dạng nàng lửng lơ
giữa đường ranh giấc mơ

và không—giấc mơ còn
giấc mơ thì đang ngó
quanh lưỡng lự không biết
phải bước về hướng nào.

* Giấc mơ biểu thị cho ước muốn chi là ước muốn của
cuộc đời, còn trống rỗng biểu thị cho ký hiệu, không có
bản chất người, theo Roland Barthes.

Hường Thanh

TÔI MUỐN LÊN HUẾ

Chưa từng bước chân bước đến để
nghe Huế thật cảm giác thật chưa
từng trong tôi chưa bao giờ nào
được nhìn thấy bằng mắt thật về

những mùi hương của Huế nơi Huế
mang hình ảnh cổ đô những đình
đền cũ kỹ mang cũ kỹ vào
mùi hương của Huế nơi Huế

mà con sông có cây cầu bắt
qua cây cầu chưa lần nào tôi
đi trên ấy chưa lần nào cây
cầu ở lại dưới dấu chân tôi

Tất cả những chưa bao giờ chưa
từng chưa lần nào đã làm tôi
đang nghĩ về người con gái người
mà Huế gói gọn trong tâm hồn

người con gái ấy màu tà áo
bay trên đường bên những đình đền
cũ kỹ những mùi hương cũ kỹ
mà tôi chưa từng bao giờ gửi

Tôi muốn lên Huế ...

4.6.2014

MỘT KỶ NGUYÊN MỚI TRONG THƠ

Angela Saunders

Thơ đã là một đường lối để đưa truyền thống, những câu chuyện, và văn hoá từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thơ được nghĩ là có trước chữ viết như một đường lối để giúp kể một câu chuyện trong một cung cách vừa làm vui tai và dễ nhớ. Lịch sử thắm nhuần đầy những thí dụ về sự kể chuyện bằng thơ như là *Sử thi Gilgamesh*. Người ta tin rằng sử thi này kể câu chuyện của nhân vật trong *Kinh thánh* [Do thái giáo và Kitô giáo] là Noah [người đã dùng con tàu để cứu tất cả các loài giống trên trái đất qua trận đại hồng thủy] xuất phát ở vùng Mesopotamia [tức Lưỡng hà châu, là Iraq hiện nay] khoảng ba ngàn năm trước Công nguyên. Sử thi cổ nhất nước Anh là Beowulf, được xem là viết giữa khoảng thế kỉ thứ VIII và thế kỉ XI, là truyện kể gồm 3.182 dòng về một chiến sĩ vĩ đại đã đánh bại con quái vật Grendel và cứu được đất nước của chàng. Trong lịch sử cổ đại, Thơ luôn luôn là một đường lối để biểu hiện những tình tự và tình yêu vĩ đại. Ở Istanbul, người ta đã tìm thấy một tấm bảng bằng đất sét nung cổ xưa của Sumeria với một bài thơ tình trên đó mô tả những tình tự về khát khao giữa một nữ tể mời một nhà vua vào phòng khuê của nàng. Lịch sử cũng cho thấy rằng thơ cũng đã được sử dụng để phân tích và phê phán về cấu trúc chính trị. Nhà thơ lừng danh Trung quốc là Lí Bạch đã dùng thơ để giúp vui hoàng đế [Đường Minh hoàng, đời Đường, thế kỉ thứ VIII] về những sự kiện đương thời và chính trị, trước khi ông bị bãi xuất khỏi triều đình vào năm 744. Từ thế kỉ thứ IV qua thế kỉ thứ VII, Thơ bắt đầu việc chuyển tiếp từ sự kể chuyện bằng miệng sang lời được viết ra thành văn tự. Cuộc vận động nhiều thế hệ này đã ảnh hưởng lên tác phẩm của những thế hệ tương lai. Thơ, bây giờ được hình thức hoá thành văn tự, đã trở thành phần tử của lịch sử con người; mang tính phi thời gian trong những truyện kể và những tư tưởng được rao truyền,

cho phép tương lai một thoáng nhìn vào những kho báu của quá khứ.

Nhà triết học và toán học của Hi Lạp cổ đại là Plato (439–347 tr. CN) đã có định nghĩa và công thức riêng cho thơ. Ông chỉ ra rằng các nhà thơ là một sự đại diện cho con người trong hành động, hoặc những hành động của chính họ hoặc những hành động bên ngoài họ. Ông cũng tiếp tục giải thích rằng các nhà thơ có một xung động để thông giải những tình tự và hậu quả của những hành động kia lên những tình tự của họ. Mặc dù Plato không ưa nghệ thuật thơ, sự thông giải của ông hoàn toàn là chuẩn xác. Thơ bất kể thuộc kỉ nguyên nào, ngôn ngữ nào, hoặc hình thức nào đều là một sự đại diện về thị giác cho những trầm tư sâu thẳm nhất của con người. Những cảm xúc và những tình tự mà thơ khơi gợi vượt thoát ngôn từ thuần túy, cho phép người đọc trở thành phần tử thiết thân với trái tim của nhà thơ. Điều này đã là như vậy qua suốt thời gian. Nhiều phong trào khác nhau đã từng xảy ra để nhìn nhận và tầm đượm các dạng thức và thể thức (patterns & formalities) trong đường lối mà những tình tự này được đặt vào trong những đoạn thơ. Những phong trào này có thể xếp loại như: (1) những khởi đầu của thơ trước năm 100 Công nguyên; (2) thời trung cổ từ khoảng năm 100 CN đến năm 1500; (3) Kỉ nguyên Tân Thế giới từ 1500 đến 1650; (4) kỉ nguyên tiền hiện đại từ 1650 đến 1800; (5) kỉ nguyên của chủ nghĩa lãng mạn từ 1800 đến 1900; (6) và kỉ nguyên của chủ nghĩa hiện đại trong thế kỉ XX.

Nghiên cứu gợi ý rằng những thay đổi trong truyền thống xảy ra giữa các thay đổi về xã hội và kinh tế trong xã hội. Đi lùi về những cội rễ của sự thay đổi của thơ, chúng ta có thể thấy rằng những sự khởi đầu của việc hình thức hoá

thơ (poetic formalization) xảy ra trước năm 100 tr. CN. Khi nhìn vào tuyến thời gian của những phong trào văn học, người ta có thể ghi nhận rằng trong lúc những sử thi Illiad, Odyssey của Homer đang hình thành những cơ sở về giáo dục ở Hi Lạp Cổ đại, thì Trung quốc đang khởi đầu những truyền thống văn học qua thơ trữ tình, trong tập Thi kinh. Ấn độ lúc đó đang trải qua thời đại Anh hùng từ đó xuất phát những giá trị cốt lõi của Ấn giáo như được trình ra trong những bộ sử thi *Mahabharata* và *Ramayana*. Cũng vào khoảng thời gian này, sự sụp đổ của Đế chế La mã xảy ra, xuất phát từ đó nhà thơ Ovidius khởi lên mang lại những hình thức thơ như là song cú bi ca (*elegiac couplet*), là hai dòng thơ gồm sáu cước và năm cước (*hexameter & pentameter*). Những tác phẩm của ông được coi là trong số những ảnh hưởng lớn nhất lên những Nhà thơ phương Tây.

Sau những khởi đầu này, chúng ta thấy thời Trung cổ phát khởi từ năm 100 CN đến khoảng 1500. Trong suốt thời kỳ này, thời đại kinh điển của Ấn độ phát khởi, mang theo những hình thức *kavya* của thơ: sử thi triều đình, thơ trữ tình ngắn, thơ tự sự, và kịch thơ. Mẫu hình thơ này bàn tới những lí tưởng phổ quát. Trong suốt thời kỳ này, văn viết Trung quốc trở nên được phát triển cao độ và Thơ trong Triều đại nhà Đường nở rộ và nhấn mạnh vào lịch sử kinh điển và văn hoá. Những phong cách văn học bằng tiếng Arabic bắt đầu nở rộ khi những hình thức mới bắt đầu hiện xuất: thơ tứ cú, thơ huê tình, và những bài thơ tự sự. Bên trong Châu Âu, thời kỳ kinh điển cũng bắt đầu hình thành. Những tác phẩm như là *Beowulf* (trong tiếng Anh) *Divina Commedia* (trong tiếng Ý) hiện xuất khi những tuyến phân chia quốc tế bắt đầu nhạt nhoà, mang theo với nó trữ tình tình ái và những khởi đầu của thời Phục hưng của nước Ý. Trong suốt kỷ nguyên văn học này, Nhật bản bắt đầu kết hợp quá khứ với hiện tại cùng với những tiếp nối của những bài thơ trong tác phẩm *Kokinshu* (Cổ kim tập), trở thành không chỉ là tuyển tập các bài thơ, mà là một sự kết hợp với cái xưa để trở thành một cái gì đó mới. Về phía Nam, Ấn độ bắt đầu sử dụng thơ trữ tình để biểu hiện mối quan hệ giữa các tự thân và một sự tín mộ đối với một thần linh, tức là thơ sùng mộ (*bhakti*).

Vào khoảng năm 1500, chúng ta thấy một sự thay đổi xảy ra vòng quanh thế giới khi thời Phục hưng khởi sự diễn ra và “Tân thế giới” [tức là Châu Mỹ] được khám phá. Đây là một thời gian của tiến bộ khoa học và sự khám phá ra các lục địa của Châu Mỹ. Thơ bắt đầu trở nên được phong cách hoá và kịch tính hoá khi các nghệ thuật thị giác và các hình thức văn học chiếm lấy trung tâm sân khấu. Những nền văn hoá của Hi Lạp và La mã Cổ đại trở thành được tái khám phá [qua sự trung gian lưu giữ và truyền bá của những tín đồ đạo Islam trong cả ngàn năm khi văn hoá Hi Lạp – La mã cổ đại bị cấm đoán và xao nhãng bởi giáo hội Kitô] và những giá trị truyền thống [của Kitô giáo trong hơn ngàn năm] bị chất vấn. Những bài thơ mang một trạng thái cảm xúc, gần như tập trung vào tự thân, thay thế cho cái nhìn kinh điển trông vào xã hội, kể lại những câu chuyện, và trao truyền những giá trị qua văn vần. Dạng thức *iambic pentameter* tức là câu thơ gồm năm cước (*pentameter*), mỗi cước gồm hai âm tiết đối nhau được nhấn hoặc không được nhấn (*iambic foot*), Trung quốc dịch là “trường đoản cách” hoặc “ức dương cách” trong ngũ âm bộ thi] trở thành một hình thức phổ thông trong suốt thời gian này cùng với hình thức sonnet tức là thơ mỗi bài mười bốn hàng được viết trong cách ngũ âm bộ, với những bình diện phức biệt về gieo vần. Shakespeare được biết về việc sử dụng ngũ âm bộ thi trong việc viết của mình. Ông cũng nổi tiếng với thể thơ không vần, theo lối viết trôi chảy, không gieo vần. Hình thức thơ này sẽ nhạt nhoà đi về tính phổ thông mãi cho tới khi được phục hoạt lại vào giữa thế kỉ XVIII nhờ những dạng thức được phong cách hoá cao độ xuất hiện trong kỉ nguyên ánh sáng.

Kể từ kỉ nguyên ánh sáng (the enlightenment era), còn được biết dưới tên là thời đại của lí trí (the age of reason), (1650 – 1800), cho tới kỉ nguyên hậu hiện đại ngày nay của chúng ta, các nhà thơ đã thử nghiệm với hình thức và những yếu tố suốt khắp thế giới. Những quy ước về văn học (quy luật/ *rules*, ngữ pháp/ *grammar*; hình thức/ *form*) được tiêu chuẩn hoá khi những người viết bắt đầu thiết lập những hình thức mới và truyền thống. Những nhà thơ từ kỉ nguyên ánh sáng bắt đầu chú tâm vào những chân lí và trách nhiệm đối với con người đồng loại khi

kiến thức về những định luật khoa học và chủ nghĩa nhân đạo (humanitarianism) bắt đầu đứng vững.

Ki nguyên này được tiếp nối bằng những nhà thơ siêu hình và lãng mạn, bắt đầu đi sâu vào cái không được nhìn thấy, cõi tự nhiên, những tình tự, những cảm xúc, và tâm linh con người bên trong thơ. Phong trào này đã dẫn lối tới sự tự do nhiều hơn trong biểu hiện thi ca nghệ thuật.

Vào cuối thế kỉ XIX, thơ tự do (tiếng Pháp là *vers libre*, hay được dịch sát chữ ra tiếng Anh là *free verse*), trở thành một phong trào ở nước Pháp. Walt Whitman, một người học tập thơ tiếng Pháp, được biết rộng rãi là đã “sáng tạo” hình thức này. Ông sử dụng sự tinh tế, không gian, và vận động với những tiết vận và những bài ca bên trong thơ của mình. Trong khi ông công khai bị các nhà thơ bạn phê bình về sự thiếu hình thức, văn viết của ông cung cấp một sự đoạn tuyệt với cái truyền thống và một vận động vào một ki nguyên mới cùng với một đường lối mới để suy nghĩ về thơ nói chung. Những ki nguyên hiện đại hơn của thơ có thể được quy chiếu như thời gian của những “chủ nghĩa” – *Romanticism* / chủ nghĩa Lãng mạn, *Naturalism* / chủ nghĩa Tự nhiên, *Symbolism* / chủ nghĩa Biểu tượng hoặc Tượng trưng, *Surrealism* / chủ nghĩa Siêu thực, *Transcendentalism* / chủ nghĩa Siêu thoát. Trong suốt lịch sử, những hình thức đa phức về văn xuôi đã được phát triển và sử dụng. Với những phạm trù về các “chủ nghĩa”, thơ không được định nghĩa bằng cấu trúc của nó, mà bằng những trường phái về tư tưởng và những ý tưởng mà các nhà thơ sắp hàng theo, dựa trên thế giới quan của họ.

Hiện thời, thế giới đang chín muồi cho một ki nguyên mới khác về thi pháp. Đây là thời gian duy nhất trong lịch sử khi có sự tiếp cận tức khắc với những nguồn năng và những tâm trí ở mãi tận phía bên kia của hành tinh trái đất, khi các nhà thơ ở mỗi châu lục có thể gặp gỡ trong thế giới ảo để so sánh, thăm dò, và khuếch trương nhau. Các nhà thơ có sự tiếp cận tức khắc với những văn bản cổ đại xưa cũ, thơ từ những ki nguyên khác lâu dài trong quá khứ và với những hình thức không quen thuộc từ những nền văn

hoá khác trên mạng trời vi tính (internet). Với những nguồn năng kì ảo đến thế sẵn sàng, tự nhiên là sẽ nảy sinh các nhà thơ thế giới từ ngày mai để tìm kiếm ra những ai nhìn thế giới qua những trường phái tư tưởng tương tự. Chính là qua phương tiện này đã có một sự kết nối phương Đông với phương Tây để mang lại một phong trào đang mọc lên được biết như là Chủ nghĩa Tân hình thức Việt nam (*Vietnamese New Formalism*). Như được ghi nhận qua suốt tuyến thời gian của thơ, những sự thay đổi nảy sinh trong suốt những thời có sự thay đổi về kinh tế xã hội và về chính trị. Vào cuối thế kỉ XX, xã hội chúng ta đã tăng gia về tính năng động. Con người đã vượt qua các đại dương và các lục địa để tái định cư cho những cơ hội tốt hơn và mới hơn. Các nền văn hoá bắt đầu hoà nhập và các truyền thống bắt đầu nhạt nhòa khi chúng ta tăng trưởng như một xã hội ảo [*virtual society* – do từ *virtu* trong tiếng Latin có nghĩa là *kì tài*, hoặc đạo đức chân chính; đúng ra phải nên dịch là *xã hội huyền ảo* hoặc *xã hội đạo đức*, để tránh hiểu lầm là xã hội hư ảo, không có thật]. Phong trào Tân hình thức Việt nam là một phong trào chủ ý để bảo tồn truyền thống trong khi đưa nó tiến vào thế giới mới. Chủ nghĩa Tân hình thức Việt nam có thể mô tả trong hình thức thể thơ không vần, một hình thức của thơ trong đó có một khuôn khổ có thể nhận rõ, và trôi chảy trong lúc sử dụng không gian, sự vắt dòng (*enjambment*) để biểu hiện những ý tưởng hơn là những thi đoạn (*stanza*) và những sự gieo vần (*rhyme*). Chính thơ thổi luồng sinh khí vào sự đơn điệu thường ngày, cho phép người đọc được cuốn vào những cảnh tượng, những âm thanh, những hương vị, và những tình tự trong thế giới của nhà thơ. Việc sử dụng thể thơ không vần cho phép sự phiên dịch mở rộng trong đó sự trôi chảy của bài thơ có thể được biểu hiện một cách thích hợp khi phiên dịch. Phong trào này đã bắt đầu, làm cầu nối giữa các nền văn hoá và thời gian. Nó đang gieo những hạt giống cho một “phong trào xuyên quốc gia” trong đó thơ sẽ vượt thoát những biên giới của quốc gia và của văn hoá để trở thành một mặt trận thống nhất.

Để cho một phong trào xuyên quốc gia xảy ra, làm thức tỉnh lại thơ trong hình thức và nhiệt tình, phải có nhiều tiếng nói đồng thanh. Các

thể hệ nhà thơ lớn tuổi hơn phải hợp nhất với những nhà thơ trẻ hơn, san sẻ những câu chuyện và những trải nghiệm cho những đôi mắt chưa nhìn thấy. Những nhà thơ từ một xứ sở phải hợp nhất với những nhà thơ bên kia thế giới để có được một viễn kiến toàn cầu và một trải nghiệm về toàn thế giới. Chúng ta không còn là một thực thể đơn độc trong một cộng đồng đơn độc. Chúng ta đã trở thành một xã hội toàn cầu trong đó những thành đạt và những khổ nạn của thế giới đều có tác động toàn cầu. Thơ, như một chứng nhân cho sự thay đổi của xã hội, cũng phải phản ánh sự thay đổi này. Phong trào hiện được Khế Iêm và vô số nhà thơ khác đang thức tỉnh là đưa thơ vào một diễn đàn mở rộng, một diễn đàn trong đó một thực thể thơ riêng lẻ được chịu ảnh hưởng và được viết bởi vô vàn tác giả với vô vàn viễn kiến. Ý tưởng này có thể được so sánh với một quan niệm như là Từ điển Bách khoa Mở (Wikipedia), một từ điển bách khoa “thông tin” phổ thông trên mạng trời, trong đó vô vàn tác giả có thể tuyển lựa một lãnh vực tri thức và biên tập hoặc viết thông tin về một đề mục cho cả thế giới nhìn thấy. Phong trào xuyên quốc gia này là một phong trào trong đó

những tiếng nói của các nhóm nhà thơ có thể đóng góp với một bài thơ để kể một câu chuyện riêng lẻ từ vô vàn quan điểm. Câu chuyện trở thành chịu ảnh hưởng không phải bởi một nền văn hoá hoặc trải nghiệm đơn độc, mà bằng một viễn kiến toàn cầu nhất trí với sự trôi chảy của xã hội. Nếu thơ đã được sử dụng trong hàng bao thế kỉ để kể những câu chuyện bằng qua thời gian, vậy thế hệ chúng ta sẽ kể câu chuyện nào để trao lại cho tương lai như di sản của chúng ta? Một di sản hợp thành không phải chỉ một câu chuyện, nhưng là một chuyện kể nối qua các nhà thơ, các châu lục, và các nền văn hoá. Phương pháp Tân hình thức đang được Khế Iêm trình ra là một toan tính để làm chính điều đó. Phong trào này là một đường lối để sáng tạo một chuyện kể được thêu dệt đẹp bao gồm những trầm tư thiết thân của nhiều người khi họ biểu hiện và san sẻ thế giới chúng ta trong một bức tranh bằng lời.

Nguyên tác bằng tiếng Anh: “*A New Era in Poetry*” – của *Angela Saunders*, bản dịch tiếng Việt: *Nguyễn Tiến Văn*

Sách Báo Nhận Được

“**Thơ Trên Sông Hương**”, tuyển chọn (2003-2013), NXB *Thuận Hóa, Huế*, gồm 165 tác giả, 270 trang, giá 119.000 đồng. “Tuyển tập thơ này có sự góp mặt của các tác giả đã được tạp chí giới thiệu trên những báo đầu tiên từ năm 2003 đến 2013, từ những cây bút mới được quen biết với độc giả, đến những tác giả đã định hình, phần nào nói lên được sự liên tục của dòng cảm xúc thi ca ấy. Ở đây có thể bắt gặp sự cách tân về hình thức, tính chất thay đổi quyết liệt trong nội dung tư tưởng và cả những thể thơ truyền thống. Đó chính là sự khác biệt mà *Sông Hương* đã tạo ra.” (*Lời nói đầu*).

“**Thúy Liên Khúc Ngoài**” (The Outer Bluish Medley), thơ Biền Bắc, NXB *Văn học*, 113 trang, bìa và 6 phụ bản màu của họa sĩ Mỹ Alden Marin. “Như là một bản trường ca về một cuộc tình (trong muôn cuộc tình) liên mạng xuyên suốt cuối thế kỷ 20 sang đến thế kỷ 21. Vào những năm bắt đầu khoảng 1995, hệ thống liên mạng (Internet) bắt đầu nở rộ và hiện tượng CHAT có một hấp lực mỗi ngày một gia tăng vượt bậc. Lúc đó, giao lưu qua chat chưa có thể bằng âm thanh và hình ảnh trực tuyến được, mà chỉ qua những giòng chữ gõ trên bàn phím. Những ứng dụng cho chat, từ Java, lần đến MIRC rồi qua PIRC, tuy giới hạn ở chức năng, nhưng lại là những điểm nối kết thú vị cho cái thế hệ đang lớn lên theo đà trưởng thành của kỹ thuật truyền thông thượng thời.” (*Lời nói đầu*).